TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 236/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 21-12-2017
"V/v tranh chấp xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Vũ**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Lý Minh Hùng**
2. Bà **Đoàn Thị Thoa**
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Âu Thị Thảo** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang*** *không tham gia phiên toà.*
Ngày 21 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 878/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2017 về "tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 238/2017/QĐXX-ST ngày 12 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:
1. Nguyên đơn: Anh **Đoàn Quốc T** sinh năm: 1990
Địa chỉ: tổ X, ấp Y, xã A, huyện B, tỉnh Tiền Giang
2. Bị đơn: Chị **Hứa Thị Ngọc H** sinh năm: 1992
Địa chỉ: tổ X, ấp Y, xã A, huyện B, tỉnh Tiền Giang
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Trương Thị M**, sinh năm: 1960
Địa chỉ: tổ X, ấp Y, xã A, huyện B, tỉnh Tiền Giang

(Anh T, chị H, bà M có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 20 tháng 11 năm 2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn là anh Đoàn Quốc T trình bày: Anh và chị Hứa Thị Ngọc H tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng anh sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh không còn tình cảm với chị H và chị H có tình cảm với người khác. Anh và chị H sống ly thân với nhau từ tháng 6 năm 2015 cho đến nay, không có trao đổi hàn gắn tình cảm. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị H nên yêu cầu được ly hôn. Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Đoàn Thị Thúy K, sinh ngày 06 tháng 02 năm 2011 hiện đang sống với chị H. Nay anh đồng ý để chị Hứa Thị

Ngọc H được tiếp tục nuôi con chung và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh và chị H có các tài sản chung cụ thể như sau: Nữ trang vàng cưới là một đôi bông tai 01 chỉ vàng 24k, 01 sợi dây chuyền 03 chỉ vàng 24k, đôi nhẫn 01 chỉ vàng 18k, đôi nhẫn anh giữ 01 chiếc 05 phân vàng 18k, chị H giữ 01 chiếc nhẫn 05 phân vàng 18k. Đôi bông tai 01 chỉ vàng 24k và 01 sợi dây chuyền 03 chỉ vàng 24k do bà Trương Thị M giữ. Nay anh yêu cầu chia 02 chỉ vàng 24k và anh xin nhận bằng vàng. Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12 tháng 12 năm 2017 và tờ tự khai bổ sung không ghi ngày tháng năm, biên bản hòa giải ngày 12 tháng 12 năm 2017 và trong quá trình xét xử bị đơn là chị Hứa Thị Ngọc H trình bày: Chị thống nhất với anh T về thời gian kết hôn, thời gian xảy ra mâu thuẫn và con chung. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do anh T nghe lời mẹ ruột anh T nên hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nay chị không đồng ý ly hôn theo yêu cầu anh T. Về con chung: chị đồng ý theo yêu cầu của anh T là được tiếp tục nuôi dưỡng 01 con chung và anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: chị thống nhất với anh T về số tài sản chung là vàng cưới như anh T trình bày, nhưng mẹ chị là bà Trương Thị M đã trả lại cho chị. Hiện số vàng cưới nêu trên chị đã bán chi tiêu cho việc sinh con và nuôi con nên chị không đồng ý theo yêu cầu chia 02 chỉ vàng 24k của anh T. Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại tờ tự khai không ghi ngày tháng năm và trong quá trình xét xử người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị M trình bày: Bà không nhớ rõ thời gian nào hai vợ chồng anh T và chị H có đưa cho bà 04 chỉ vàng 24k gồm 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24k, 01 sợi dây chuyền 03 chỉ vàng 24k cho bà để bà cố đất cho hai vợ chồng anh T và chị H làm nhưng sau đó bà đã đưa lại cho chị H số vàng cưới nêu trên. Hiện nay bà không còn giữ số vàng cưới nêu trên của anh T và chị H. Nay anh T yêu cầu chia 02 chỉ vàng 24k thì bà không đồng ý theo yêu cầu nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Đoàn Quốc T và chị Hứa Thị Ngọc H tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau vào năm 2010 được Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23 tháng 3 năm 2010 nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H được pháp luật thừa nhận. Tuy nhiên trong quá trình chung sống anh T và chị H đều xác định tại phiên tòa là vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn như anh chị trình bày, mặt khác anh T và chị H có thời gian dài không còn chung sống với nhau cho thấy quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo

dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho anh T ly hôn với chị H là phù hợp điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh T và chị H có 01 con chung tên Đoàn Thị Thúy K, sinh ngày 06 tháng 02 năm 2011 hiện đang sống với chị H. Nay anh T và chị H đều thống nhất giao 01 con chung cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 700.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung: Tại phiên tòa anh T rút lại yêu cầu chia tài sản chung, xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Đoàn Quốc T và chị Hứa Thị Ngọc H

2. Về nuôi con chung:

- Giao 01 con chung tên Đoàn Thị Thúy K, sinh ngày 06 tháng 02 năm 2011 cho chị Hứa Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng.

- Anh Đoàn Quốc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng) đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nếu anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với anh T.

Kể từ ngày chị Hứa Thị Ngọc H có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Đoàn Quốc T chậm thi hành đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con trên thì còn phải chịu thêm khoản lãi của số tiền và thời gian chậm thi hành án theo quy định tại điều 357 và điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử về việc anh Đoàn Quốc T rút yêu cầu chia tài sản chung.

4. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đạt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Anh Đoàn Quốc T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

07865 và 07866 ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B; anh T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Tiền Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Vũ